

Số: 2691 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Tài nguyên và Môi trường áp dụng tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Văn bản: số 1647/TNMT-KSTT ngày 30/6/2015 và số 1712/TNMT-KSTT ngày 07/7/2015 kèm Văn bản số 1053/STP-KSTT ngày 30/6/2015 của Sở Tư pháp và Văn bản số 738/SNV-CCHC ngày 30/6/2015 của Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 24 (hai mươi tư) Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Tài nguyên và Môi trường áp dụng tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (Có danh mục TTHC và nội dung cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành; thay thế các thủ tục hành chính tại Quyết định số 3946/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh; bãi bỏ 13 TTHC thuộc lĩnh vực đất đai ban hành kèm theo Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND ngày 17/7/2009 của UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (có danh mục 13 TTHC bị bãi bỏ kèm theo).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC- Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP/UBND;
- Sở Tư pháp;
- Trang Website tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NC₁, NL₂.

Gửi

+ VB giấy (15b): TP TW, LĐ UBND tỉnh, Sở TNMT;

+ Điện tử: Thành phần còn lại.

HOÀNG

CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP HUYỆN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 13/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Tài nguyên và Môi trường áp dụng tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực đất đai	
1	Đăng ký đất đai lần đầu nhưng người sử dụng đất chưa có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận
2	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp nhà nước giao đất để quản lý
3	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu
4	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với trường hợp chủ sở hữu tài sản đồng thời là người sử dụng đất
5	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất
6	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
7	Đăng ký, bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận
8	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng của tổ chức đầu tư xây dựng để bán
9	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
10	Cấp đổi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng
11	Cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng do bị mất
12	Đính chính Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp
13	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện

14	Tách thửa hoặc hợp thửa đất
15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng
16	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm
17	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
18	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất
19	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
20	Thủ tục chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
21	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề
22	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề
23	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu
24	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực đất đai ban hành kèm theo Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND ngày 17/7/2009 của UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	T-HTI-100891-TT	Giao đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác đối với hộ gia đình cá nhân	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.
2	T-HTI-100919-TT	Cho thuê đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác đối với hộ gia đình cá nhân	- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
3	T-HTI-100928-TT	Giao đất làm nhà ở mới đối với hộ gia đình cá nhân tại địa phương	- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về GCNQSD đất, QSHNO và tài sản gắn liền với đất.
4	T-HTI-124193-TT	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không phải xin phép	- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.
5	T-HTI-124230-TT	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp phải xin phép	- Thông tư số 76/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;
6	T-HTI-124658-TT	Cho thuê đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân	
7	T-HTI-124771-TT	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	
8	T-HTI-124842-TT	Xóa đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	
9	T-HTI-124874-TT	Đăng ký bảo lãnh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	
10	T-HTI-124923-TT	Xóa đăng ký bảo lãnh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	
11	T-HTI-125413-TT	Cung cấp thông tin địa chính	
12	T-HTI-126094-TT	Hợp thức hóa quyền sử dụng đất liên kết đối với hộ gia đình, cá nhân	
13	T-HTI-126697-TT	Thẩm định qui hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết đối với các xã không thuộc vùng qui hoạch phát triển đô thị	